

Số: 933/TB - BVĐKT

Hòa Bình, ngày 27 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v: Giá thu các DV Thủ thuật theo yêu cầu, DV Can thiệp cho trẻ chậm nói và tự kỷ tại
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình
Kính gửi: Các Khoa, Phòng trong Bệnh viện

Căn cứ Nghị quyết số 486/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-BVĐKT ngày 29/05/2025 Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình về việc khai thác tài sản công tại Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-BVĐKT ngày 12/06/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình về việc ban hành giá và quy định mức thu của dịch vụ Thủ thuật theo yêu cầu, DV Can thiệp cho trẻ chậm nói và tự kỷ;

Căn cứ Công văn số 880/BVĐKT-TCKT ngày 19/06/2025 về việc kê khai giá các DV Thủ thuật theo yêu cầu, DV Can thiệp cho trẻ chậm nói và tự kỷ;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình thông báo mức giá của các DV Thủ thuật theo yêu cầu, DV Can thiệp cho trẻ chậm nói và tự kỷ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình như sau:

Cụ thể như sau:

Đơn vị tính : Đồng

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền	Giá Người bệnh tự chi trả	Mức giá thu DV TYC= Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền + Giá Người bệnh tự chi trả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4+5)	(7)
1	Khí dung mũi họng theo yêu cầu	Ca	27.500	44.500	72.000	
2	Hút đờm hầu họng theo yêu cầu	Ca	14.100	61.800	75.900	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền	Giá Người bệnh tự chi trả	Mức giá thu DV TYC= Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền + Giá Người bệnh tự chi trả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4+5)	(7)
3	Chọc dò túi cùng Douglas theo yêu cầu	Ca	312.500	158.000	470.500	
4	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...theo yêu cầu	Ca	191.500	158.000	349.500	
5	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không theo yêu cầu	Ca	450.000	158.000	608.000	
6	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không theo yêu cầu	Ca	429.500	158.000	587.500	
7	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần theo yêu cầu	Ca	352.300	158.000	510.300	
8	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần theo yêu cầu	Ca	199.700	158.000	357.700	
9	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ theo yêu cầu	Ca	700.200	158.000	858.200	
10	Nạo hút thai trứng theo yêu cầu	Ca	914.600	158.000	1.072.600	
11	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ theo yêu cầu	Ca	376.500	158.000	534.500	
12	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo theo yêu cầu	Ca	436.200	158.000	594.200	
13	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần theo yêu cầu theo yêu cầu	Ca	352.300	158.000	510.300	
14	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22 theo yêu cầu	Ca	611.000	158.000	769.000	
15	Hút thai dưới siêu âm theo yêu cầu	Ca	522.000	234.000	756.000	
16	Can thiệp cho trẻ chậm nói và tự kỷ theo yêu cầu	Ca		150.000	150.000	
17	Hút dịch khớp cổ tay theo yêu cầu	Ca	129.600	150.000	279.600	
18	Hút dịch khớp vai theo yêu cầu	Ca	129.600	150.000	279.600	
19	Hút nang bao hoạt dịch theo yêu cầu	Ca	129.600	150.000	279.600	
20	Tiêm khớp gối theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền	Giá Người bệnh tự chi trả	Mức giá thu DV TYC= Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền + Giá Người bệnh tự chi trả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4+5)	(7)
21	Tiêm khớp cổ chân theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
22	Tiêm khớp bàn ngón chân theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
23	Tiêm khớp cổ tay theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
24	Tiêm khớp bàn ngón tay theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
25	Tiêm khớp đốt ngón tay theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
26	Tiêm khớp khuỷu tay theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
27	Tiêm khớp vai theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
28	Tiêm khớp ức - đòn theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
29	Tiêm khớp đòn - cùng vai theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
30	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ) theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
31	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
32	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
33	Tiêm hội chứng DeQuervain theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
34	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
35	Tiêm gân gấp ngón tay theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
36	Tiêm gân nhị đầu khớp vai theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
37	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
38	Tiêm cân gan chân theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
39	Tiêm gân gót theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
40	Tiêm nội khớp: Acid hyaluronic theo yêu cầu	Ca	104.400	150.000	254.400	
41	Hút dịch khớp gối theo yêu cầu	Ca	129.600	150.000	279.600	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền	Giá Người bệnh tự chi trả	Mức giá thu DV TYC= Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền + Giá Người bệnh tự chi trả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4+5)	(7)
42	Hút dịch khớp cổ chân theo yêu cầu	Ca	129.600	150.000	279.600	
43	Nắn, bó bột gãy xương đòn [bột liền] theo yêu cầu	Ca	434.600	108.000	542.600	
44	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền] theo yêu cầu	Ca	342.000	108.000	450.000	
45	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
46	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
47	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
48	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	434.600	108.000	542.600	
49	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
50	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
51	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
52	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
53	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
54	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
55	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền] theo yêu cầu	Ca	257.000	83.300	340.300	
56	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật [bột liền] theo yêu cầu	Ca	667.000	120.200	787.200	
57	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột liền] theo yêu cầu	Ca	659.600	108.000	767.600	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền	Giá Người bệnh tự chi trả	Mức giá thu DV TYC= Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền + Giá Người bệnh tự chi trả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4+5)	(7)
58	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè theo yêu cầu	Ca	167.000	108.000	275.000	
59	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột liền] theo yêu cầu	Ca	282.000	108.000	390.000	
60	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
61	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
62	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
63	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền] theo yêu cầu	Ca	372.700	108.000	480.700	
64	Nắn, bó bột gãy xương gót theo yêu cầu	Ca	167.000	108.000	275.000	
65	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền] theo yêu cầu	Ca	257.000	108.000	365.000	
66	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông] theo yêu cầu	Ca	194.700	132.500	327.200	
67	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương sâu] theo yêu cầu	Ca	289.500	157.100	446.600	
68	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông] theo yêu cầu	Ca	194.700	132.500	327.200	
69	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương sâu] theo yêu cầu	Ca	289.500	157.100	446.600	
70	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể] theo yêu cầu	Ca	262.900	157.100	420.000	
71	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm] theo yêu cầu	Ca	64.300	46.400	110.700	
72	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm] theo yêu cầu	Ca	121.400	59.000	180.400	
73	Tháo bột các loại theo yêu cầu	Ca	61.400	46.400	107.800	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền	Giá Người bệnh tự chi trả	Mức giá thu DV TYC= Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền + Giá Người bệnh tự chi trả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4+5)	(7)
74	Trích rạch áp xe nhỏ theo yêu cầu	Ca	218.500	83.300	301.800	
75	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm] theo yêu cầu	Ca	64.300	46.400	110.700	
76	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm] theo yêu cầu	Ca	89.500	46.400	135.900	
77	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm] theo yêu cầu	Ca	121.400	104.200	225.600	
78	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng] theo yêu cầu	Ca	148.600	46.400	195.000	
79	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng] theo yêu cầu	Ca	193.600	46.400	240.000	
80	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng] theo yêu cầu	Ca	275.600	46.400	322.000	
81	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản theo yêu cầu	Ca	194.700	83.300	278.000	
82	Điều trị vết thương mạn tính bằng chiếu tia plasma theo yêu cầu	Ca	36.600	29.100	65.700	
83	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông] theo yêu cầu	Ca	194.700	175.500	370.200	
84	Lấy dị vật giác mạc sâu (gây tê) theo yêu cầu	Ca	99.400	51.000	150.400	
85	Lấy dị vật kết mạc theo yêu cầu	Ca	71.500	30.200	101.700	
86	Cắt chỉ khâu kết mạc theo yêu cầu	Ca	40.300	51.000	91.300	
87	Cắt chỉ khâu giác mạc theo yêu cầu	Ca	40.300	51.000	91.300	
88	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản theo yêu cầu	Ca	40.300	39.000	79.300	
89	Lấy dị vật giác mạc sâu theo yêu cầu	Ca	99.400	51.000	150.400	
90	Đặt ống thông dạ dày theo yêu cầu	Ca	101.800	45.700	147.500	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền	Giá Người bệnh tự chi trả	Mức giá thu DV TYC= Giá dịch vụ KCB được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền + Giá Người bệnh tự chi trả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4+5)	(7)
91	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang theo yêu cầu	Ca	101.800	45.700	147.500	
92	Điện châm theo yêu cầu	Ca	78.300	46.900	125.200	
93	Cấy chỉ theo yêu cầu	Ca	156.400	160.000	316.400	
94	Chườm ngải (điều trị chườm ngải cứu) theo yêu cầu	Ca	37.000	38.000	75.000	
95	Giác hơi theo yêu cầu	Ca	36.700	30.000	66.700	
96	Thủy châm theo yêu cầu	Ca	77.100	19.000	96.100	
97	Xoa bóp bấm huyệt 15 phút theo yêu cầu	Ca	76.000	38.000	114.000	
98	Xoa bóp bấm huyệt 20 phút theo yêu cầu	Ca	76.000	48.000	124.000	
99	Xoa bóp bấm huyệt 30 phút theo yêu cầu	Ca	76.000	66.000	142.000	
100	Ngâm thuốc theo yêu cầu	Ca	54.800	29.000	83.800	
101	Siêu âm Doppler xuyên sọ theo yêu cầu	Ca	252.300	174.200	426.500	
102	Gói dịch vụ tầm soát bệnh thận mãn tính cơ bản theo yêu cầu	Ca	211.900	195.200	407.100	
103	Gói dịch vụ tầm soát bệnh thận mạn tính nâng cao theo yêu cầu	Ca	525.300	219.100	744.400	
104	Gói dịch vụ tầm soát bệnh bàng quang tăng hoạt (tiểu đêm, tiểu nhiều lần) theo yêu cầu	Ca	211.900	195.200	407.100	
105	Gói khám viêm đường tiết niệu theo yêu cầu	Ca	790.000	219.100	1.009.100	

Ghi chú:

1. Về mức giá thu quy định cụ thể:

Giá dịch vụ Khám chữa bệnh được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền hiện nay theo Nghị quyết số 486/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Hòa Bình quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Hòa Bình.

Đối với bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế (BHYT), việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh được thực hiện kể từ ngày Bệnh viện chính thức ký kết Phụ lục Hợp đồng với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Đối với bệnh nhân không có thẻ BHYT khi sử dụng dịch vụ theo yêu cầu tại Bệnh viện, người bệnh sẽ phải tự chi trả toàn bộ chi phí theo giá thu dịch vụ theo yêu cầu đã được phê duyệt.

2. Về chức năng, nhiệm vụ của các khoa/phòng:

Lãnh đạo các Khoa có trách nhiệm giải thích cho người bệnh trước khi bệnh nhân sử dụng dịch vụ, hướng dẫn người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh ký cam kết vào phiếu sử dụng dịch vụ tự nguyện (nếu cần) và giới thiệu nộp tiền tại các điểm thu viện phí quy định của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình.

Giao phòng CNTT thực hiện tạo thêm mã dịch vụ (theo cột (5) – Giá người bệnh tự chi trả) trong phần mềm quản lý bệnh viện, nhằm phục vụ việc tích chỉ định và theo dõi riêng nhóm dịch vụ theo yêu cầu.

3. Thời gian áp dụng:

Thời gian thực hiện thu phí dịch vụ kể từ lúc 0h00 ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Thời gian thanh toán chi phí thực hiện dịch vụ cho các khoa từ ngày 10 đến 20 tháng liền kề tháng sử dụng dịch vụ. Vậy Bệnh viện thông báo để các khoa, phòng được biết và tư vấn cho bệnh nhân sử dụng dịch vụ.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận :

- Ban Giám đốc (BC);
- P.KHTH, CNTT, CTXH;
- Các khoa phòng liên quan;
- Lưu VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Diệu